

V. PHẪM NGÀY TRAI GIỚI (UPOSATHAVAGGA)

I. KINH NGÀY TRAI GIỚI TÓM TẮT (*Saṅkhittūposathasutta*)⁵⁰ (A. IV. 248)

41. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rước rờ lớn, có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rước rờ lớn, có biến mãn lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tâm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tâm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.⁵¹

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ.

⁵⁰ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.43.2. 0756c16).

⁵¹ Xem A. I. 211; II. 208; D. I. 4, 63; M. II. 278; III. 47.

Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ, không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ, không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ, không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ, không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rở lớn, có biến mãn lớn.

II. KINH NGÀY TRAI GIỚI CHI TIẾT (*Vitthatūposathasutta*)⁵² (A. IV. 251)

42. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rở lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rở lớn, có biến mãn lớn?

(Như kinh 41)... Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

⁵² Xem A. III. 70. Tham chiếu: *Trì Trai kinh* 持齋經 (T.01. 0026.202. 0770a16); *Ưu-bi-di-đọa-xá-già kinh* 優陂夷墮舍迦經 (T.01. 0088. 0912a15); *Bát quan trai kinh* 八關齋經 (T.01. 0089. 0913a17).

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành như vậy thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rước rỡ lớn, có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rước rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này,⁵³ tràn đầy bảy báu như Aṅga, Magadha, Kāśi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vamsā, Kuru, Pañcāla, Macchā, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, Kamboja. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu⁵⁴ của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì có sao? Nhỏ nhoi, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.

Năm mươi năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên Bốn Thiên Vương.” Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.”

Một trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên của năm ấy⁵⁵ làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba.” Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.”

Hai trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Dạ-ma (Yāmā). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Dạ-ma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Dạ-ma.” Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc của chư thiên.”

⁵³ Danh sách này được tìm thấy trong *A. I. 213; D. II. 200*.

⁵⁴ Xem sự so sánh *A. I. 116; Ud. 11; It. 19*.

⁵⁵ Xem *D. II. 327*.

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Đâu-suất (Tusita). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Đâu-suất. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc chư thiên.”

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc của chư thiên.”

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại.” Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.”

Chớ giết hại sanh loại,⁵⁶
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ uống thứ rượu say,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Từ bỏ, không dâm dục,
Không ăn vào ban đêm,
Tránh, không ăn phi thời,
Không mang các vòng hoa,
Không dùng các hương liệu,
Hãy nằm trên tấm thảm,
Trải dài đất làm giường.
Chính hạnh trai giới này,
Được gọi có tám phần,
Do đức Phật nói lên,
Đưa đến đoạn tận khổ.⁵⁷
Mặt trăng và mặt trời,
Cả hai thấy lành tốt,
Chỗ nào chúng đi tới,

⁵⁶ Các bài kệ này được tìm thấy trong A. I. 214.

⁵⁷ *Dukkhaṅgaṇā*. SnA. I. 378: *Dukkhaṅgā vattadukkhaṅga* (“Đau khổ” tức nói sự đau khổ trong vòng luân hồi).

Chúng chói sáng hào quang,
 Chúng làm mây sáng chói,
 Giữa hư không chúng đi,
 Trên trời chúng chói sáng,
 Sáng rực mọi phương hướng,
 Trong khoảng không gian ấy,
 Tài sản được tìm thấy,
 Trân châu và ngọc báu,
 Lưu ly đá cầu may,
 Vàng cục trong lòng đất,
 Hay loại Kañcana,
 Cùng loại vàng sáng chói,
 Được gọi Hātaka,
 Tuy vậy chúng trị giá,
 Chỉ một phần mười sáu,
 Với hạnh giữ trai giới,
 Đầy đủ cả tám giới,
 Kể cả ánh sáng trăng,
 Với cả vòm trời sao.
 Vậy người nữ, người nam,
 Giữ gìn theo tịnh giới,
 Hành Bố-tát trai giới,
 Đầy đủ cả tám giới,
 Làm các thiện công đức,
 Đem lại nhiều an lạc,
 Được sanh lên cõi trời,
 Không bị người cười chê.

III. KINH VISĀKHĀ (*Visākhāsutta*)⁵⁸ (A. IV. 255)

43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Nay Visākhā, ngày trai giới đầy đủ tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn... (như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IV. KINH VĀSETṬHA (*Vāsetṭhasutta*) (A. IV. 258)

44. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi

⁵⁸ Tham chiếu: *Trì Trai kinh* 持齋經 (T.01. 0026.202. 0770a16); *Trai kinh* 齋經 (T.01. 0087. 0910c26); *Ưu-bì-di-đọa-xả-già kinh* 優陂夷墮舍迦經 (T.01. 0088. 0912a15); *Bát quan trai kinh* 八關齋經 (T.01. 0089. 0913a17); *Tap. 雜* (T.02. 0099.861-863. 0219b04-0219b18).

nam cư sĩ Vāsetṭha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ Vāsetṭha đang ngồi một bên... (Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

Khi được nghe nói như vậy, nam cư sĩ Vāsetṭha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nếu người bà con huyết thống thân mến của con thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy các bà con huyết thống thân mến của con được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các người Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thế Tôn, nếu tất cả người Bà-la-môn... các người Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Thủ-đà được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Như vậy là phải, này Vāsetṭha! Này Vāsetṭha, nếu tất cả các người Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāsetṭha, nếu tất cả các người Bà-la-môn... các người Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Thủ-đà sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāsetṭha, nếu thế giới chư Thiên, với các Ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy thế giới chư Thiên, các Ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāsetṭha, nếu các cây Sāla lớn này có thể thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, chúng sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài, nếu chúng có tư duy, nói gì đến loài người.

V. KINH BOJJHĀ (*Bojḥhasutta*)⁵⁹ (A. IV. 259)

45. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi nữ cư sĩ Bojjhā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nữ cư sĩ Bojjhā đang ngồi một bên:

(Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

VI. KINH TÔN GIẢ ANURUDDHA (*Anuruddhasutta*)⁶⁰ (A. IV. 261)

46. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha đang nghỉ ban ngày, ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiều thiên nữ với thân khả ái đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Anuruddha rồi đứng một bên. Đứng một bên, các thiên nữ ấy thưa với Tôn giả:

– Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Thưa Tôn giả, chúng tôi muốn có hình sắc như thế nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được tiếng

⁵⁹ Xem A. IV. 346.

⁶⁰ Xem A. V. 33.

như thế nào, chúng tôi liền được tiếng như thế ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được lạc thọ như thế nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức. Thừa Tôn giả Anuruddha, chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại.

Rồi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ: “Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh.” Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ như sau: “Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng.” Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi các thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Nhưng Tôn giả Anuruddha giữ các căn được nhiếp phục. Các thiên nữ ấy nghĩ rằng: “Tôn giả Anuruddha không có thương thức”, liền biến mất tại chỗ.

Rồi Tôn giả Anuruddha, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con đang nghỉ ban ngày, ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiều thiên nữ với thân khả ái đi đến con; sau khi đến, đánh lễ con rồi đứng một bên. Đứng một bên, các thiên nữ ấy thưa với con: “Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Thừa Tôn giả, chúng tôi muốn có hình sắc như thế nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn có tiếng như thế nào, chúng tôi liền được tiếng như thế ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được lạc thọ như thế nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức. Thừa Tôn giả Anuruddha, chúng tôi là những thiên nữ với thân hình khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại.”

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ: “Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh.” Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng.” Rồi bạch Thế Tôn, các thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi bạch Thế Tôn, các thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí, khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục,

khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Nhưng bạch Thế Tôn, con giữ các căn được nhiếp phục. Các thiên nữ ấy nghĩ rằng: “Tôn giả Anuruddha không có thương thức”, liền biến mất tại chỗ.

Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái?

– Nay Anuruddha, đầy đủ tám pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái. Thế nào là tám?

Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân đối với người chồng nào mà mẹ cha gả cho, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên đối với người ấy, nữ nhân dậy trước, đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương.

Những ai có người chồng kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn như cha mẹ, nữ nhân ấy cung kính tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, và khi họ đến, sẽ dâng hiến chỗ ngồi và nước.

Phàm có những việc trong nhà, thuộc về len hay vải bông, ở đây, nữ nhân ấy thông thạo, không biếng nhác, tự tìm phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm.

Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình.

Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân ấy phòng hộ, bảo vệ chúng, giữ gìn khỏi ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại.

Nữ cư sĩ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nữ cư sĩ giữ giới, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu.

Nữ cư sĩ bố thí, sống ở gia đình với tâm từ từ bỏ cấu uế, xan tham, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, vui thích chia sẻ các vật dụng bố thí.

Thành tựu tám pháp này, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái.

Hãy thường yêu thương chồng,
Luôn nỗ lực cố gắng,
Người đem lại lạc thú,
Chớ khinh thường người chồng,
Chớ làm chồng không vui,
Chớ làm chồng tức tối,

Với những người ganh tị;
 Chồng cung kính những ai,
 Hãy đánh lễ tất cả.
 Vì nàng người có trí,
 Hoạt động thật nhanh nhẹn,
 Giữa các người làm việc,
 Xử sự thật khả ái,
 Biết giữ tài sản chồng.
 Người vợ xử như vậy,
 Làm thỏa mãn ước vọng,
 Ưa thích của người chồng,
 Sẽ được sanh tại chỗ,
 Các thiên nữ khả ái.

VII. KINH VISĀKHĀ THỨ HAI (*Dutiyavisākhāsutta*) (A. IV. 267)

47. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

(Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

VIII. KINH NAKULAMĀTĀ (*Nakulamātāsutta*) (A. IV. 268)

48. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Sumsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, tại Lộc Uyển. Rồi nữ gia chủ Nakulamātā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với nữ gia chủ Nakulamātā, đang ngồi một bên:

(Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IX. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ NHẤT (*Paṭhamaidhalokikasutta*)⁶¹ (A. IV. 269)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Nay Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào tâm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay Visākhā, nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc, biết thấu hiểu các người phục vụ, sở hành vừa ý chồng, biết giữ gìn tài sản cất chứa.

Nay Visākhā, thế nào là nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc?

⁶¹ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Of This World Here*, nghĩa là Ở đời này.

Ở đây, này Visākhā, phàm có những công nghiệp trong nhà, thuộc về len hay vải bông, nữ nhân khéo thông thạo, không biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân có khả năng khéo làm những công việc.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân biết thâm nhiếp các người phục vụ?

Ở đây, này Visākhā, trong nhà người chồng, phàm có nữ tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân biết thâm nhiếp những người phục vụ.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân sở hành vừa ý chồng?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân, những gì người chồng không vừa ý, dầu cho có vì sanh mạng, nàng cũng không làm. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân sở hành vừa ý chồng.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâm hoạch được?

Ở đây, này Visākhā, phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân phòng hộ, bảo vệ chúng và giữ gìn khỏi bị ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại. Như vậy, này Visākhā là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâm hoạch được.

Thành tựu bốn pháp này, này Visākhā, nữ nhân thành tựu với sự chiến thắng ở đời. Đời này rơi vào trong tầm tay của nàng.

Này Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ lòng tin?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ lòng tin.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ giới đức?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ giới đức.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ bố thí?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân sống ở gia đình với tâm từ bỏ cầu uế, xan tham, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích chia sẻ các vật dụng bố thí. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ bố thí.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này Visākhā, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào trong tầm tay của nàng.

Khéo làm các công việc,
Thâu nhiếp người phục vụ,
Sở hành vừa ý chồng,
Giữ gìn của cất chứa,
Đầy đủ tín và giới,
Bố thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,⁶²
Đến đời sau an lành.
Như vậy là tám pháp,
Nữ nhân có đầy đủ,
Được gọi bậc có giới,
Trú pháp nói chân thật.
Đủ mười sáu hành tướng,⁶³
Thành tựu tám chi phần,
Nữ cư sĩ như vậy,
Với giới hạnh đầy đủ,
Sanh làm vị thiên nữ,
Với thân thật khả ái.

X. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ HAI (*Dutiyaiddhalokikasutta*) (A. IV. 271)

50. (Thế Tôn nói lại kinh 49 và cả bài kệ cho các Tỷ-kheo).

⁶² *Niccaṃ maggaṃ*: Con đường nội tâm.

⁶³ *Chú giải* giải thích tám cho đời này, tám cho đời sau.